TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 115/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 13/9/2017
V/v: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà La Thị Hồng Gấm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Ánh Sáng.

2. Ông Phạm Văn Huynh.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Hoài Diễm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa***: Bà Lê Thị Hồng Hà- Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử công khai vụ án thụ lý số 510/2017/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2017 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Vũ Văn S, sinh năm 1973 (có mặt)

- *Bị đơn:* Chị Huỳnh Thị Thanh D, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số F, tổ 6, ấp 6, xã TH, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 7 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như lời khai tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn anh Vũ Văn S trình bày:

Anh và chị Huỳnh Thị Thanh D xây dựng gia đình với nhau từ năm 2008, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã TH, huyện Long Thành vào ngày 23/4/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tương đối hạnh phúc

được 06 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị D sử dụng tiền không cân đối, không chịu đi làm, cũng không chăm sóc các con, đem tất cả đồ đạc trong nhà bán ve chai và nhiều lần có những lời nói chửi thề. Từ đó anh không đưa tiền lương cho chị D nữa mà chỉ cho chị D một ít tiền để tiêu vặt, anh tự mua sắm mọi vật dụng, chi tiêu sinh hoạt trong gia đình và việc học hành cho các con thì chị D ngày càng trở nên hung dữ, tìm mọi cách bắt anh đưa tiền cho chị D tiêu xài nhưng anh không biết chị D tiêu xài tiền vào mục đích gì, chị D không hề quan tâm chăm sóc cho các con, anh đi làm thì chị D thường xuyên bỏ đói các con, chửi mắng và nhiều lần hăm dọa đòi giết các con, anh rất lo cho các con nên đi làm cũng không yên tâm. Chị D đã 03 lần cầm dao đe dọa giết anh nhưng anh không có làm đơn báo chính quyền địa phương mà chỉ nói cho trưởng ấp biết. Mẹ vợ và em vợ anh cũng nhiều lần khuyên chị D sửa đổi nhưng chị D cố chấp không nghe. Sự việc mâu thuẫn như vậy đã kéo dài từ năm 2011 đến nay, cách nay khoảng 5 năm Hội phụ nữ xã TH có đến nhà vận động hòa giải, chị D cũng nhận lỗi nhưng chỉ được một thời gian thì lại tiếp tục chửi mắng, đập phá đồ đạc trong nhà, nhiều lần đe dọa đến tính mạng, sức khỏe, ảnh hưởng xấu đến tâm lý của các con anh. Nay anh nhận thấy mâu thuẫn đã rất nghiêm trọng, anh và các con rất hoang mang không thể tiếp tục sống chung nhà với chị D được nữa, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh xin Tòa án giải quyết cho anh ly hôn để anh yên tâm đi làm lo cho các con.

+ Về con chung: Có 03 con chung tên:

1/ Vũ Huyền T, sinh ngày 11/10/2009.

2/ Vũ Anh H1, sinh ngày 29/12/2010.

3/ Vũ Phi H2, sinh ngày 29/12/2010.

Sau khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi dưỡng cả 03 con, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay anh đang làm công nhân tại Công ty cổ phần Quốc tế Bancera thuộc khu công nghiệp Gò Dầu, thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng, anh đảm bảo đủ điều kiện nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/8/2017 bị đơn chị Huỳnh Thị Thanh D trình bày:

Chị và anh Vũ Văn S kết hôn năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TH, huyện Long Thành. Sau khi kết hôn anh chị chung sống bình thường, tuy trong cuộc sống có những mâu thuẫn nhỏ nhưng chị vẫn bỏ qua, anh S đi làm không đưa lương cho chị giữ, mọi chi phí trong nhà anh S tự mua. Chị thừa

nhận chị có đánh con, nhưng do con lỳ nên chị đánh để dạy dỗ con, chị cũng thừa nhận chị có chửi anh S, anh S nói chị cầm dao dí đánh anh S là không đúng, chị cầm dao dí vào cổ anh S mục đích chỉ để đe dọa anh S vì anh S không đưa tiền lương cho chị nuôi con. Nay anh S xin ly hôn chị không đồng ý, vì con còn nhỏ nên chị xin hàn gắn đoàn tụ.

+ Về con chung: Có 03 con chung tên:

1/ Vũ Huyền T, sinh ngày 11/10/2009.

2/ Vũ Anh H1, sinh ngày 29/12/2010.

3/ Vũ Phi H2, sinh ngày 29/12/2010.

Nếu ly hôn chị xin được nuôi dưỡng cháu T, còn cháu H1 và cháu H2 sẽ do anh S nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Tháng 6/2017 chị có đi làm được 01 tháng thì nghỉ, hiện nay chị chưa có việc làm.

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Nợ chung: Không có.

Các tài liệu, chứng cứ trong vụ án: Đơn khởi kiện tranh chấp ly hôn; Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu; Giấy chứng nhận kết hôn; Giấy khai sinh con; Bản tự khai, Hợp đồng lao động, sao kê tài khoản và đơn xin xác nhận đủ điều kiện nuôi con của anh S; Biên bản lấy lời khai của chị D; Đơn đề nghị vắng mặt của chị D; Lời khai của cháu Vũ Huyền T; Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Biên bản không tiến hành hòa giải được; Biên bản xác minh tại UBND xã TH.

Các tình tiết các bên thống nhất và không thống nhất: Anh S xin ly hôn, chị D không đồng ý ly hôn. Về con chung: Có 03 con chung là 1/ Vũ Huyền T, sinh ngày 11/10/2009, Vũ Anh H1, sinh ngày 29/12/2010,Vũ Phi H2, sinh ngày 29/12/2010, anh S yêu cầu được nuôi cả 03 con, chị D yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T, anh S và chị D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

Thẩm phán thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều 48 và Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự, việc thu thập chứng cứ thực hiện đúng theo Điều 97 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đảm bảo đúng trình tự theo các Điều 222 đến 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định các Điều 70, 71, 228, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn anh Vũ Văn S, xử cho anh S được ly hôn chị D. Về con chung: giao cháu Vũ Huyền T, sinh ngày 11/10/2009, cháu Vũ Anh H1, sinh ngày 29/12/2010 và cháu Vũ Phi H2, sinh ngày 29/12/2010 cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời chị D không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho chị Huỳnh Thị Thanh D, chị D có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt; Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị D.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh S và chị D tự nguyện xây dựng gia đình với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TH, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai (giấy chứng nhận kết hôn số 34, quyển số 01/2009 ngày 23 tháng 4 năm 2009) nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào chứng cứ thu thập được thể hiện tại hồ sơ thì anh S và chị D trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên anh S nộp đơn xin ly hôn. Xét yêu cầu ly hôn của anh S có cơ sở chấp nhận bởi lẽ: chị D không chịu đi làm, không biết chăm lo cho cuộc sống gia đình và thường hay đánh con gây ảnh hưởng xấu đến tâm lý các con. Bên cạnh đó chị D còn nhiều lần có lời lẽ xúc phạm và dùng dao đe dọa anh S. Anh S và chị D tuy còn sống chung nhà nhưng không còn quan tâm chăm sóc cho nhau nữa, không có biện pháp hàn gắn đoàn tụ. Như vậy, hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh S, xử cho anh S được ly hôn chị D.

[3].Về con chung: Có ba cháu tên Vũ Huyền T, sinh ngày 11/10/2009, Vũ Anh H1, sinh ngày 29/12/2010 và Vũ Phi H2 sinh ngày 29/12/2010.

Xét thấy, anh S có yêu cầu nuôi cả 03 con chung, chị D có yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T nhưng cháu T có ý kiến không muốn sống cùng chị D mà muốn tiếp tục sống cùng anh S. Anh S có nơi ở và việc làm ổn định, cháu T, cháu H1 và cháu H2 được anh S nuôi dưỡng tốt. Chị D không có việc làm và thường hay đánh con, gây ảnh hưởng xấu đến tâm lý của các con. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp

nhận yêu cầu về việc nuôi con chung của anh S, giao cháu T, cháu H1 và cháu H2 cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, anh S không có yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh S khai không có nên không xét.

[5] Về án phí: Anh S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28; Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

- Về hôn nhân : Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn anh Vũ Văn S, xử cho anh Vũ Văn S được ly hôn chị Huỳnh Thị Thanh D.

- Về con chung: Giao cháu Vũ Huyền T, sinh ngày 11/10/2009, cháu Vũ Anh H1, sinh ngày 29/12/2010 và cháu Vũ Phi H sinh ngày 29/12/2010 cho anh Vũ Văn S trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị Huỳnh Thị Thanh D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, chị Huỳnh Thị Thanh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung; nợ chung: không xét.

2. Về án phí: Anh Vũ Văn S phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh S đã nộp theo biên lai thu số 006637 ngày 18/7/2017 của Chi cục thi hành án huyện Long Thành. Anh S đã nộp đủ án phí.

3. Anh Vũ Văn S được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Huỳnh Thị Thanh D được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai (1),
- VKSND h. Long Thành (1),
- Chi cục THADS h. Long Thành (1),
- UBND xã TH (1)

Giấy CNKH số 34 ngày 23/4/2009,
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai (1),
- Đương sự (2),
- Lưu (3).

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

La Thị Hồng Gấm

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN**

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Ánh Sáng **Phạm Văn Huynh** **La Thị Hồng Gấm**